

**ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN**

(Đề thi có 2 trang)

GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2026–2027**MÔN: VẬT LÝ - LỚP 10***Thời gian làm bài: 45 phút, không kể thời gian phát đề**Phát hành ngày 25/08/2026*

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề: L10.GK2.002**TRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Khẩu súng khối lượng 2 kg bắn một viên đạn khối lượng 36 g với vận tốc 407 m/s. Vận tốc giật lùi của súng có độ lớn (làm tròn đến hàng phần trăm).

- A. 0,14 m/s B. 407 m/s C. 29,3 m/s D. 7,33 m/s

Câu 2. Một quyển sách khối lượng 1 kg ở độ cao 12 m so với mặt đất, chọn mốc thế năng tại mặt đất, $g = 10 \text{ m/s}^2$. Thế năng của vật bằng

- A. 120 J B. 10 J C. 60 J D. 12 J

Câu 3. Tấm chắn rộng 3 cm che cổng quang trong 43 ms. Vận tốc của xe bằng (làm tròn đến hàng phần trăm).

- A. 6,98 m/s B. 14,33 m/s C. 0,07 m/s D. 0,7 m/s

Câu 4. Một động cơ điện sinh công 2400 J trong 10 s. Công suất của máy bằng

- A. 24000 W B. 0 W C. 240 W D. 2400 W

Câu 5. Dạng năng lượng gắn với liên kết giữa các nuclôn trong hạt nhân gọi là gì?

- A. Thế năng đàn hồi. B. Điện năng. C. Năng lượng hạt nhân. D. Quang năng.

Câu 6. Thế năng đàn hồi của một lò xo được tính bằng

- A. $W_t = \frac{1}{2}kl^2$ với l là chiều dài lò xo B. $W_t = \frac{1}{2}k(\Delta l)^2$
C. $W_t = k(\Delta l)^2$ D. $W_t = \frac{1}{2}k\Delta l$

Câu 7. Khi tính công suất tiêu thụ của một máy bơm, phải dùng đại lượng nào?

- A. Công có ích chia cho thời gian. B. Công toàn phần chia cho thời gian.
C. Hiệu suất chia cho thời gian. D. Công toàn phần nhân với thời gian.

Câu 8. Vật một khối lượng 18 kg chuyển động với vận tốc 6 m/s tới va chạm mềm với vật hai khối lượng 12 kg đang đứng yên; sau va chạm hai vật dính vào nhau. Động năng của hệ trước va chạm bằng

- A. 194 J B. 324 J C. 108 J D. 648 J

Câu 9. Động lượng của một vật được xác định bằng

A. $\vec{p} = m\vec{v}$, là đại lượng vectơ cùng hướng vận tốc

B. $\vec{p} = m\vec{a}$

C. $p = mv$, là đại lượng vô hướng nên không có hướng

D. $p = \frac{1}{2}mv^2$, là đại lượng vô hướng

Câu 10. Một xe goòng nặng 588 kg chạy trên ray nằm ngang với vận tốc 9 m/s thì hứng thêm 292 kg cát rơi thẳng đứng xuống. Vận tốc xe sau khi hứng cát bằng (làm tròn đến hàng phần trăm).

A. 13,47 m/s

B. 18,12 m/s

C. 6,01 m/s

D. 9 m/s